

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ

Số: 08/GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lấp Vò, ngày 26 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 63/2024/GPMT ngày 06/03/2024 của Công ty TNHH Đại Hợp Phú về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Cơ sở chế biến nông sản Đại Hợp Phú”;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 111/TTr-TNMT ngày 22 tháng 03 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đại Hợp Phú, địa chỉ tại: ĐT848, áp Tân Thuận A, xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Cơ sở chế biến nông sản Đại Hợp Phú với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Cơ sở chế biến nông sản Đại Hợp Phú.

1.2. Địa điểm hoạt động: ĐT848, áp Tân Thuận A, xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số: 1402181830 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2022, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 03 năm 2023.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến xoài.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

Phạm vi: Công ty TNHH Đại Hợp Phú triển khai thực hiện dự án Cơ sở chế biến nông sản Đại Hợp Phú tại: ĐT848, ấp Tân Thuận A, xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Quy mô diện tích thực hiện dự án: 4.500 m².

Công suất: 270 tấn sản phẩm xoài sấy dẻo/năm. Thời gian hoạt động của dự án khoảng 5 tháng/năm (tương đương 150 ngày/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đại Hợp Phú được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đại Hợp Phú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đến ngày 26 tháng 3 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND xã Tân Mỹ và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Noi nhận:

- Công ty TNHH Đại Hợp Phú;
- Q.CT, PCT/UBND Huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Tân Mỹ;
- Trang TTĐT Huyện;
- LĐVP + C/v;
- Lưu: VT, TN&MT,N.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hoàng Nam

Phụ lục 1
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND ngày 26/3/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Lập Vò)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải phát sinh của dự án bao gồm: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Tiên.

2.2. Vị trí xả nước thải: theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105, mũi chiếu 3⁰: X (m) =1.151.241; Y (m) =568.501.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp - 40:2011/BTNMT cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 - 9	6 tháng/lần	Không có
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	30	6 tháng/lần	Không có
3	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng)	mg/L	50	6 tháng/lần	Không có
4	COD	mg/L	75	6 tháng/lần	Không có
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	0,2	6 tháng/lần	Không có
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5	6 tháng/lần	Không có
7	Tổng N	mg/L	20	6 tháng/lần	Không có
8	Tổng P	mg/L	4	6 tháng/lần	Không có
9	Clo dư	mg/L	1	6 tháng/lần	Không có
10	Tổng Coliforms	MNP/100mL	3,000	6 tháng/lần	Không có

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh được thu gom vào bể tự hoại. Nước thải sau bể tự hoại sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A sau đó xả ra sông Tiên.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn tự hoại → Ngăn lắng
Ngăn lọc → Ngăn định lượng → Hệ thống XLNT.

Nước thải từ quá trình sản xuất → Hệ thống XLNT → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

Phụ lục 2
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND ngày 26/3/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Lập Vò)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung của dự án quá trình vận chuyển của phương tiện, lên xuống hàng hóa và nguyên liệu, hoạt động của máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT như sau:

Vị trí tiếng ồn	Thời gian áp dụng trong ngày	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Tại khu vực cổng ra vào dự án	70	55

Vị trí độ rung	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Tại khu vực cổng ra vào dự án	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Cơ sở đã có những biện pháp để giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác động do tiếng ồn, rung gây ra:

- Những mặt tiếp giáp với các công trình lân cận dự án xây tường cao và kín để tiếng ồn không lan truyền qua khu vực này làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

- Thay thế công nghệ máy móc, thiết bị cũ ở một số công đoạn bằng thiết bị, máy móc công nghệ mới hạn chế tiếng ồn;

- Kiểm tra để máy được vận hành, bôi trơn và có chế độ bảo dưỡng đúng chế độ để tránh hiện tượng máy bị khô dầu mỡ gây tiếng ồn cao 03 tháng/lần;

- Định kỳ kiểm tra máy móc, thiết bị để giảm tiếng ồn khi hoạt động.

- Không nổ máy phương tiện trong khi đang chờ bốc xếp hàng hóa, không tập trung công nhân bốc xếp hàng hóa trong giờ cao điểm, giờ nghỉ ngơi.

- Tất cả các thiết bị sản xuất có độ ồn cao như mô tơ điện đều được lắp đặt trên các đệm cao su để chống ồn, rung.

- Sử dụng đúng công suất của thiết bị, không vận hành quá tải.
- Thời gian làm việc theo đúng quy định, không hoạt động những giờ nghỉ trưa hoặc ban đêm.
- Không sử dụng thiết bị gây ồn vượt quá giới hạn cho phép.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân để hạn chế ảnh hưởng tiếng ồn từ máy móc thiết bị.
- Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn và độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

ĐỀ XUẤT NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND ngày 26/3/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Lập Vò)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: Trong quá trình hoạt động của dự án sẽ phát sinh ra khối lượng chất thải nguy hại: Bóng đèn huỳnh quang thải; Vỏ chai, can chứa nhớt; Dầu nhớt thải, giẻ lau dầu nhớt,...Khối lượng phát sinh khoảng 21 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án, bao gồm: rác thải hữu cơ (thức ăn thừa, vỏ hoa quả, rau củ...), rác thải vô cơ (bao bì, túi nilong, chất thải nhựa...), khối lượng khoảng 10 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh: Tổng lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất khoảng 4 tấn/ngày, rác thải sản xuất là phụ phẩm xoài.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Các loại chất thải nguy hại được lưu chứa vào 03 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, mỗi thùng có thể tích 60 lít, có dán nhãn mã số chất thải nguy hại theo đúng quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 5m², kho chứa CTNH được đặt ở vị trí cao ráo, xung quanh được làm bằng vách tole, nền tráng xi măng, lót gạch, mái lợp tole, cách xa nguồn nước, tránh xa nguồn gây cháy như tủ điện, khu nghỉ ngơi công nhân, xây kiên cố tránh mưa, tránh nắng.

- Hợp đồng thu gom và xử lý chất thải này với Công ty có chức năng định kỳ thu gom và xử lý đúng quy định 01 lần/năm thu gom hoặc khi có phát sinh gần đây kho lưu chứa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị 04 thùng rác loại 120 lít, mỗi thùng có chức năng riêng (02 thùng chứa rác thải hữu cơ và 02 thùng chứa rác thải vô cơ). Các thùng được trang bị đều có nắp đậy để hạn chế mùi phát sinh và hạn chế gió thổi phát tán rác ra xung quanh.

- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển các thùng chứa rác tập kết toàn bộ rác về khu vực lưu chứa rác có diện tích 200m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sản xuất

- Thực hiện thu gom toàn bộ chất thải phát sinh và lưu chứa vào các thùng kín, có thể tích 60 lít, vì vậy khu vực này có thể chứa tối đa lượng rác của 03 ngày nếu có sự cố về việc thu gom xử lý rác. Tổng số lượng thùng chứa khoảng 200 cái.

- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển các thùng chứa rác tập kết toàn bộ rác về khu vực lưu chứa rác có diện tích 200m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy, nổ

- Bố trí các thiết bị chữa cháy (bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy, cát,...) tại chỗ, định kỳ huấn luyện cho công nhân các phương án phòng chống cháy nổ. Dự án đã trang bị 12 bình chữa cháy, tủ phòng cháy chữa cháy gồm: Cuộn vòi, ống dẫn bằng vải chuyên dụng, lăng phun, van chữa cháy đúng quy định.

- Luôn thực hiện tốt các quy tắc an toàn nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại về tài sản cũng như tính mạng của con người trong quá trình hoạt động.

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện và dây dẫn để đảm bảo tiết kiệm hợp lý với cường độ dòng, tránh khả năng xảy ra quá tải.

- Cấm hút thuốc tại khu vực dự án. Tổ chức định kỳ kết hợp với chính quyền địa phương thao diễn cứu hỏa với sự cộng tác chặt chẽ của cơ quan PCCC chuyên nghiệp.

- Phối hợp với cơ quan quản lý về PCCC thực hiện hướng dẫn, huấn luyện cụ thể về các phương án phòng chống cháy nổ cho toàn bộ nhân viên tại dự án.

2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Trang bị bảo hộ cá nhân đầy đủ và phù hợp với tính chất hoạt động của dự án, bao gồm: đồng phục, khẩu trang... Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho nhân viên 6 tháng/lần.

- Thực hiện đúng các nội quy lao động, nội quy vận hành máy móc thiết bị và các quy trình công nghệ đã ban hành. Xây dựng nội quy làm việc, chế độ vận hành an toàn máy móc, thiết bị làm việc tại dự án.

- Nhân viên được tuyển chọn sẽ được tập huấn về an toàn lao động và sơ cấp cứu trước khi vào làm việc tại dự án.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ y tế, thuốc men, bông băng để sơ cấp cứu kịp thời khi công nhân bị tai nạn hoặc nhức đầu chóng mặt, ngất,....

3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải nguy hại

- Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ

khác nhau, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Trang bị các biển cảnh báo và thiết bị phòng cháy chữa cháy, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với chất thải đổ, rơi vãi trong thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải

- Chất thải thu gom gọn gàng, tránh rơi vãi, chứa trong các thùng có nắp đậy, được để nơi quy định, dễ vận chuyển.

- Vận chuyển phải tuân thủ theo những quy định của pháp luật về an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

Kiểm tra các chỉ số:

- Kiểm soát chất lượng nước thải vào: Khi lưu lượng và chất lượng nước thải tiếp nhận thay đổi, thì quy trình xử lý phía sau thay đổi theo. Nếu lưu lượng vào hoặc nồng độ chất ô nhiễm trong dòng vào tăng đáng kể (quá 10%), cần phải điều chỉnh các thông số vận hành.

- Lưu lượng: Kiểm tra lưu lượng nước thải là cần thiết cho sự duy trì hoạt động ổn định của hệ thống. Ở giai đoạn ổn định, lưu lượng cần duy trì là $0,8 \text{ m}^3/\text{h}$ ($20 \text{ m}^3/\text{ngày}$).

- Chỉ tiêu BOD, COD: Kiểm tra nồng độ COD để kiểm soát các quá trình trong bể. Tỉ số BOD/COD cho biết các tỉ lệ các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học có trong nước thải. BOD là thông số thể hiện lượng chất hữu cơ có thể bị oxy hóa bằng vi sinh vật. Chỉ số COD thể hiện toàn bộ chất hữu cơ bị oxy hóa thuận túy bằng tác nhân hóa học. Tỷ số BOD/COD dùng kiểm soát nồng độ chất hữu cơ thích hợp cho quá trình xử lý sinh học.

- Các chất dinh dưỡng: Nitơ, photpho là hai thành phần dinh dưỡng quan trọng nhất cho sự phát triển của vi sinh vật. Nitơ và photpho cần có số lượng đủ để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của các vi sinh vật. Tỷ lệ BOD:N:P trong bể cần bằng cần duy trì $100:5:1$ là đáp ứng tương đối đủ cho nhu cầu phát triển của các vi sinh vật.

- Chỉ tiêu pH: Quá trình xử lý sinh học hiệu khí hoạt động tốt ở $\text{pH} = 6.5 - 8.5$. Nếu pH thay đổi thì cần phải bổ sung axit/xút để đưa pH của bể về môi trường thích hợp cho vi sinh vật hoạt động.

- Nhiệt độ: Xử lý nước thải bằng phương pháp xử lý sinh học hiệu khí thực

chất là quá trình oxy hóa chất hữu cơ bởi các vi sinh vật. Do đó yêu cầu kiểm tra nhiệt độ của nước tạo điều kiện cho các vi sinh vật phát triển để nâng cao hiệu quả xử lý của bể. Điều kiện tốt nhất là duy trì nhiệt độ của dòng nước thải trong khoảng $25 - 35^{\circ}\text{C}$ (đây là khoảng nhiệt độ bình thường tại Việt Nam).

- Vận hành bồn anoxic: Quan sát mặt bồn anoxic nếu thấy bùn nổi trên bề mặt của bể sinh học thiếu khí thì ngay lập tức tiến hành kiểm tra xem máy thổi khí có hoạt động bình thường không đồng thời kiểm tra xem cách lắp đặt máy khuấy cũng như công suất máy đủ chưa vì do khuấy không đều dẫn tới bùn nổi. Kiểm tra lượng vi sinh tuần hoàn về anoxic có đảm bảo không.

- Vận hành bồn sinh học hiếu khí: cần quan tâm đến các yếu tố trong bể hiếu khí (pH, DO, BOD, COD)